TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Minh Trinh và ông Phạm Công Lương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tới – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M – sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: đường T, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Lê H – sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: đường D, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Đức Lê H đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không phù hợp về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà M cho rằng ông H không có trách nhiệm với gia đình, ham mê cờ bạc, game. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình chung sống sau đó, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022. Đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng. Bà M xác định không còn tình cảm

vợ chồng với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, bà mong muốn Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung*:* Bà M và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Mai V- sinh ngày 16/5/2015. Ly hôn, bà M có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/02/2023, bà M rút một phần yêu cầu cấp dưỡng, chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Bà M xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải, tuy nhiên ông Nguyễn Đức Lê H vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh ngày tại tổ dân phố nơi ông H và bà M sinh sống xác định, ông H và bà M có thời gian cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống tổ dân phố không biết về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Hiện nay, ông H vẫn ở tại đường D, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Bà M cùng với cháu Nguyễn Hoàng Mai V đã chuyển đi nơi khác sống từ tháng 9/2022.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tại phiên tòa bị đơn - ông Nguyễn Đức Lê H vắng mặt không có lý do. Dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân M đối với ông Nguyễn Đức Lê H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Đức Lê H và bà Nguyễn Thị Xuân M kết hôn vào năm 2014, đăng ký tại UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của bà M thì thấy: Quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm không phù hợp, dẫn đến ông H và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 09/2022 bà M cùng cháu Nguyễn Hoàng Mai V đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà M đã kéo dài và không thể khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông H vẫn không có mặt, không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích pháp lý và tình cảm cho bà M nhưng bà vẫn kiên quyết xin ly hôn, xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với ông H. Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Ông H và bà M có một con chung tên Nguyễn Hoàng Mai V - sinh ngày 16/5/2015. Ly hôn, bà M có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn. Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện, ông H không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu nuôi con của bà Mai. HĐXX xét thấy, con chung Nguyễn Hoàng Mai V đã sống cùng mẹ ổn định, đồng thời có bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nên tiếp tục giao cháu cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do ông H hiện không có công việc ổn định, HĐXX nhận thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng mỗi tháng phù hợp với khả năng tài chính của ông H và đáp ứng được cơ bản nhu cầu sinh hoạt của cháu V, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về tài sản chung: Bà M xác định không có tài sản chung, ông H không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Bà M xác định không có nợ chung, ông H không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu, án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Đức Lê H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với ông Nguyễn Đức Lê H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn với ông Nguyễn Đức Lê H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Mai V - sinh ngày 16/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đức Lê H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006932 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Nguyễn Đức Lê H phải chịu.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *UBND phường Phước Ninh (Số đk 88, ngày 10/12/2014);*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*